

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP SAU ĐẠI HỌC NĂM 2021
ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA CẤP I

TT	TT CN	MSHV	HỌ	TÊN	Phái	NG.SINH	ĐIỂM LTN	ĐIỂM THTN	GHI CHÚ
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH									
1	1	00.14.08.19.01	Trần Lan	Anh	Nữ	20/3/1990	8.0	7.0	
2	2	00.14.08.19.02	Đào Tuấn	Anh	Nam	17/08/1991	8.5	6.0	
3	3	00.14.08.19.03	Nguyễn Trung Kiêm	Byã	Nam	03/07/1986	8.0	7.0	
4	4	00.14.08.19.04	Nguyễn Minh	Châu	Nữ	30/10/1991	8.5	8.0	
5	5	00.14.08.19.05	Nguyễn Thị Mộng	Đào	Nữ	19/07/1980	9.5	7.0	
6	6	00.14.08.19.06	Phạm Ngọc	Điệp	Nữ	08/08/1991	8.0	8.0	
7	7	00.14.08.19.07	Đinh Thị Thu	Hiền	Nữ	09/04/1989	8.5	8.0	
8	8	00.14.08.19.08	Hoàng Quốc	Hiếu	Nam	17/01/1993	9.0	6.0	
9	9	00.14.08.19.09	Nguyễn Thị Kim	Hoa	Nữ	23/01/1971	8.0	6.0	
10	10	00.14.08.19.10	Nguyễn Thành	Hung	Nam	16/04/1989	8.5	7.0	
11	11	00.14.08.19.11	Lại Thế Anh	Khoa	Nam	23/02/1992	8.0	7.0	
12	12	00.14.08.19.12	Trần Thanh	Kiệt	Nam	22/10/1979	8.5	6.0	
13	13	00.14.08.19.13	Hồ Thị Thảo	Linh	Nữ	28/05/1990	9.0	6.0	
14	14	00.14.08.19.15	Nguyễn Thanh Đại	Lộc	Nam	07/10/1985	8.5	6.0	
15	15	00.14.08.19.16	Nguyễn Văn	Minh	Nam	20/11/1988	9.0	7.0	
16	16	00.14.08.19.17	Y	Na	Nam	05/10/1990	8.5	7.0	
17	17	00.14.08.19.18	Lưu Hoàng	Ngân	Nữ	27/09/1992	9.0	7.0	
18	18	00.14.08.19.19	Trần Xuân	Phúc	Nam	08/01/1978	9.0	7.0	
19	19	00.14.08.19.20	Huỳnh Ngọc Phương	Thảo	Nữ	08/10/1985	9.0	7.0	
20	20	00.14.08.19.21	Phạm Thị Phương	Thảo	Nữ	29/10/1986	8.5	7.0	
21	21	00.14.08.19.22	Phan Thị	Thân	Nữ	06/12/1992	9.0	7.0	
22	22	00.14.08.19.23	Nguyễn Văn	Thế	Nam	15/10/1983	8.5	7.0	
23	23	00.14.08.19.24	Vũ Văn	Thiện	Nam	25/07/1975	8.5	6.0	
24	24	00.14.08.19.25	Lương Minh	Thông	Nam	10/12/1979	8.5	7.0	
25	25	00.14.08.19.26	Nguyễn Thị Xuân	Thuận	Nữ	10/02/1992	8.5	7.0	
26	26	00.14.08.19.27	Vũ Lê Thùy	Trang	Nữ	01/06/1991	8.0	7.0	
27	27	00.14.08.19.28	Nguyễn Hữu	Trung	Nam	29/04/1974	8.5	6.0	



ph

TT	TT CN	MSHV	HỌ	TÊN	Phái	NG.SINH	ĐIỂM LTN	ĐIỂM THTN	GHI CHÚ
28	28	00.14.08.19.29	Nguyễn Xuân	Trường	Nam	02/10/1979	8.5	7.0	
29	29	00.14.08.19.30	Triệu Thanh	Tuấn	Nam	28/09/1989	8.5	7.0	
30	30	00.14.08.19.31	Từ Thanh	Tùng	Nam	1990	9.0	7.0	
31	31	00.14.08.19.32	Phan Văn	Tư	Nam	04/09/1984	8.5	8.0	
32	32	00.14.08.19.33	Bùi Thị Tường	Vi	Nữ	21/04/1972	8.0	7.0	
33	33	00.14.08.19.34	Huỳnh Phan Trọng	Vinh	Nam	10/09/1982	8.5	8.0	
34	34	00.14.08.19.35	Nguyễn Ngọc	Vinh	Nam	25/09/1990	8.5	7.0	
35	35	00.14.08.19.36	Lữ Văn	Vũ	Nam	05/02/1991	9.0	7.0	
36	36	00.14.08.19.37	Bùi Thị	Yến	Nữ	18/12/1988	8.5	7.0	
37	37	00.14.08.18.04	Đỗ Văn	Bằng	Nam	30/09/1973	8.5	6.0	NK 2018
38	38	00.14.08.18.45	Bông Thị	Trang	Nữ	25/07/1981	8.5	7.0	NK 2018
39	39	00.14.08.18.27	Lương Thùy	Linh	Nữ	03/10/1987	9.5	6.0	NK 2018
40	40	00.14.08.18.15	Đặng Dương Bích	Hằng	Nữ	13/12/1990	8.5	7.0	NK 2018
41	41	00.14.08.18.06	Nguyễn Thị	Cần	Nữ	08/04/1975	9.0	9.0	NK 2018
42	42	00.14.08.18.11	Dương Văn	Đáng	Nam	01/09/1980	9.0	9.0	NK 2018
43	43	00.14.08.18.26	Trần Thị	Liên	Nữ	25/06/1986	9.0	9.0	NK 2018
CHẤM THƯƠNG CHÍNH HÌNH									
44	1	00.14.07.19.01	Bùi Văn	Anh	Nam	15/6/1989	8.5	7.5	
45	2	00.14.07.19.02	Bùi Quang	Duy	Nam	16/06/1992	8.5	8.5	
46	3	00.14.07.19.03	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	18/01/1993	9.0	8.5	
47	4	00.14.07.19.04	Đồng Trường	Giang	Nam	22/08/1992	9.0	8.0	
48	5	00.14.07.19.05	Huỳnh Đức	Hoàng	Nam	13/01/1993	9.0	8.5	
49	6	00.14.07.19.06	Tô Quang	Khánh	Nam	10/7/1987	8.0	8.5	
50	7	00.14.07.19.07	Từ Ngọc Minh	Khoa	Nam	04/11/1993	7.0	8.0	
51	8	00.14.07.19.08	Nguyễn Trọng	Nghĩa	Nam	25/10/1986	7.0	6.0	
52	9	00.14.07.19.09	Đinh Hữu	Nguyên	Nam	24/05/1992	7.5	8.0	
53	10	00.14.07.19.10	Lê Minh	Thảo	Nam	10/06/1991	8.5	7.0	
54	11	00.14.07.19.11	Phan Hùng	Thái	Nam	31/01/1993	9.0	8.5	
55	12	00.14.07.19.12	Phan Văn	Thiệt	Nam	27/03/1991	9.0	8.0	
56	13	00.14.07.19.13	Lê Hồng	Thịnh	Nam	20/11/1982	7.0	7.0	
57	14	00.14.07.19.15	Nguyễn Minh	Trung	Nam	10/12/1993	7.0	9.0	

TT	TT CN	MSHV	HỌ	TÊN	Phái	NG.SINH	ĐIỂM LTN	ĐIỂM THTN	GHI CHÚ
58	15	00.14.07.19.16	Hoàng Viết	Trường	Nam	15/01/1990	8.5	8.0	
59	16	00.14.07.19.17	Mạch Phát	Vinh	Nam	26/08/1982	7.0	7.0	
60	17	00.14.07.19.18	Trần Ngọc	Vũ	Nam	03/03/1993	8.5	8.0	
DA LIỄU									
61	1	00.14.09.19.01	Trần Văn Phúc	Aliô	Nam	24/05/1984	6.5	7.5	
62	2	00.14.09.19.02	Nguyễn Bình	An	Nam	11/10/1983	6.0	5.0	
63	3	00.14.09.19.03	Phạm Trường	An	Nữ	06/04/1992	5.5	8.0	
64	4	00.14.09.19.04	Phan Ngọc Quỳnh	Anh	Nữ	23/03/1986	8.0	8.0	
65	5	00.14.09.19.05	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	06/01/1992	8.0	8.0	
66	6	00.14.09.19.06	Trần Thị Thanh	Bình	Nữ	11/06/1975	6.5	8.0	
67	7	00.14.09.19.07	Lê Mỹ	Chi	Nữ	25/05/1971	6.0	5.0	
68	8	00.14.09.19.08	Văn Quốc	Di	Nam	29/04/1978	6.5	8.0	
69	9	00.14.09.19.09	Phạm Hữu	Dũng	Nam	02/06/1993	6.5	6.5	
70	10	00.14.09.19.10	Ngô Phước	Dur	Nam	25/06/1985	7.5	8.5	
71	11	00.14.09.19.11	Bùi Anh	Đào	Nữ	10/09/1990	8.0	8.5	
72	12	00.14.09.19.12	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	13/05/1985	9.0	8.0	
73	13	00.14.09.19.13	Lại Đức	Hào	Nam	06/09/1988	6.5	5.0	
74	14	00.14.09.19.14	Trần Thanh	Hiền	Nữ	09/06/1977	5.0	5.0	
75	15	00.14.09.19.15	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	10/10/1985	7.0	5.0	
76	16	00.14.09.19.16	Huỳnh Thị Kim	Hoa	Nữ	28/06/1980	8.0	6.0	
77	17	00.14.09.19.17	Nguyễn Văn	Hoàng	Nam	10/09/1984	6.5	8.0	
78	18	00.14.09.19.18	Lê Hải	Huy	Nam	27/12/1993	7.0	7.5	
79	19	00.14.09.19.19	Trần Thị Thu	Huyền	Nữ	11/07/1993	7.5	8.5	
80	20	00.14.09.19.20	Nguyễn Võ Lê Kim	Hùng	Nam	04/03/1983	7.0	6.0	
81	21	00.14.09.19.21	Lê Minh	Hùng	Nam	21/11/1970	7.0	8.5	
82	22	00.14.09.19.22	Huỳnh Minh	Hưng	Nam	01/10/1992	7.5	7.0	
83	23	00.14.09.19.23	Nguyễn Trí	Khoa	Nam	08/03/1988	7.5	8.0	
84	24	00.14.09.19.24	Nguyễn Văn	Khuôn	Nam	05/03/1973	7.0	6.0	
85	25	00.14.09.19.25	Đoàn Thị	Lan	Nữ	23/08/1989	7.5	6.0	
86	26	00.14.09.19.26	Nguyễn Hồng	Lan	Nữ	30/12/1980	9.0	8.0	
87	27	00.14.09.19.27	Vũ Thị	Là	Nữ	10/12/1981	6.5	5.0	

ph

TT	TT CN	MSHV	HỌ	TÊN	Phái	NG.SINH	ĐIỂM LTN	ĐIỂM THTN	GHI CHÚ
88	28	00.14.09.19.28	Đoàn Xuân Hoa	Lâm	Nữ	04/02/1993	7.5	6.0	
89	29	00.14.09.19.29	Nguyễn Ngọc	Linh	Nam	28/01/1988	6.5	8.0	
90	30	00.14.09.19.30	Lê Thị	Loan	Nữ	06/06/1993	7.5	8.0	
91	31	00.14.09.19.31	Trương Thị Thu	Loan	Nữ	12/10/1966	7.5	8.0	
92	32	00.14.09.19.32	Trần Công	Luận	Nam	28/04/1964	6.5	8.0	
93	33	00.14.09.19.33	Hoàng Văn	Lực	Nam	03/08/1983	7.0	7.0	
94	34	00.14.09.19.34	Nguyễn Hồng Ánh	Mai	Nữ	24/03/1986	7.0	8.0	
95	35	00.14.09.19.35	Trần Đình Bảo	Ngọc	Nữ	14/09/1991	7.0	8.0	
96	36	00.14.09.19.36	Nguyễn Duy Mỹ	Ngọc	Nữ	08/09/1992	7.0	9.0	
97	37	00.14.09.19.37	Dương Thị Ngọc	Nguyên	Nữ	05/02/1982	6.0	8.0	
98	38	00.14.09.19.38	Lê Thị Song	Nhi	Nữ	10/09/1992	8.0	7.5	
99	39	00.14.09.19.39	Lê Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	13/07/1992	7.0	8.0	
100	40	00.14.09.19.40	H Danh	Niê	Nữ	14/5/1974	6.0	7.5	
101	41	00.14.09.19.41	Nguyễn Thị Cẩm	Phụng	Nữ	16/07/1993	7.0	8.0	
102	42	00.14.09.19.42	Phạm Hoài Minh	Phương	Nam	21/02/1992	7.5	8.0	
103	43	00.14.09.19.43	Nguyễn Nhật	Quang	Nam	29/09/1987	6.5	9.0	
104	44	00.14.09.19.44	Đặng Thị Ngọc	Quế	Nữ	03/12/1987	5.5	5.0	
105	45	00.14.09.19.45	Tô Thanh	Sơn	Nam	11/10/1984	7.0	7.0	
106	46	00.14.09.19.46	Hoàng Đức	Tài	Nam	15/02/1984	5.5	7.0	
107	47	00.14.09.19.47	Lê Thị Thanh	Thảo	Nữ	22/02/1981	7.5	5.0	
108	48	00.14.09.19.48	Phạm Mạnh	Thắng	Nam	22/09/1985	7.0	5.0	
109	49	00.14.09.19.49	Vương Văn	Thống	Nam	15/09/1993	7.0	7.0	
110	50	00.14.09.19.50	Mai Thị Thanh	Thùy	Nữ	20/06/1991	7.0	7.0	
111	51	00.14.09.19.51	Đoàn Minh	Thư	Nam	20/01/1982	6.5	5.0	
112	52	00.14.09.19.52	Nguyễn Cao	Trí	Nam	26/05/1985	7.0	5.0	
113	53	00.14.09.19.53	Tăng Khả	Tú	Nữ	26/05/1992	7.0	9.0	
114	54	00.14.09.19.54	Nguyễn Thị Hồng	Vân	Nữ	24/03/1988	6.5	7.0	
115	55	00.14.09.19.55	Phan Văn	Vĩnh	Nam	01/12/1969	7.0	7.0	
116	56	00.14.09.19.56	Ngô Quốc	Vương	Nam	12/09/1982	6.0	7.0	
117	57	00.14.09.19.57	Nguyễn Yến	Xuyên	Nữ	15/01/1988	7.0	7.0	
118	58	00.14.09.19.59	Deab	Samay	Nữ	23/12/1986	6.5	8.0	

phu

TT	TT CN	MSHV	HỌ	TÊN	Phái	NG.SINH	ĐIỂM LTN	ĐIỂM THTN	GHI CHÚ
ĐIỀU DƯỠNG									
119	1	00.14.17.19.01	Trần Hoàng Phương	Anh	Nam	13/03/1993	7.5	7.5	
120	2	00.14.17.19.02	Võ Phương	Anh	Nữ	13/12/1987	8.0	7.8	
121	3	00.14.17.19.03	Đặng Thị Mỹ	Chi	Nữ	04/02/1983	8.0	7.8	
122	4	00.14.17.19.04	Bùi Kim	Chi	Nữ	20/04/1975	7.0	7.0	
123	5	00.14.17.19.05	Nguyễn văn	Chính	Nam	19/5/1976	7.0	8.1	
124	6	00.14.17.19.06	Dương Thị	Diệu	Nữ	29/03/1982	7.0	8.5	
125	7	00.14.17.19.07	Nguyễn Thị Mỹ	Dum	Nữ	15/09/1990	9.5	8.3	
126	8	00.14.17.19.08	Lê Thị Phương	Dung	Nữ	28/11/1973	7.0	6.8	
127	9	00.14.17.19.09	Đinh Thị Bích	Đào	Nữ	06/05/1977	8.5	7.9	
128	10	00.14.17.19.10	Nguyễn Thị	Gấm	Nữ	08/02/1982	8.5	7.3	
129	11	00.14.17.19.11	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	09/4/1981	7.5	7.7	
130	12	00.14.17.19.12	Nguyễn Thúy	Hằng	Nữ	01/04/1981	6.0	6.1	
131	13	00.14.17.19.13	Lê Thị	Hằng	Nữ	23/05/1982	8.0	6.8	
132	14	00.14.17.19.14	Dương Thị Hồng	Hoa	Nữ	02/02/1983	9.0	7.1	
133	15	00.14.17.19.15	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	03/03/1974	9.0	7.9	
134	16	00.14.17.19.16	Trần Thị Quỳnh	Mai	Nữ	12/12/1980	9.0	8.4	
135	17	00.14.17.19.17	Nguyễn Ngọc	Mai	Nữ	13/09/1979	7.0	7.3	
136	18	00.14.17.19.18	Tăng Thị Quỳnh	Mai	Nữ	09/4/1980	8.5	8.7	
137	19	00.14.17.19.19	Ngô Thị Ánh	Nghĩa	Nữ	11/02/1980	8.0	6.9	
138	20	00.14.17.19.20	Phan Thị Bích	Ngọc	Nữ	14/11/1977	6.5	6.3	
139	21	00.14.17.19.21	Phan Thị Yến	Ngọc	Nữ	06/02/1995	7.0	7.3	
140	22	00.14.17.19.22	Đỗ Thị Thu	Nhi	Nữ	20/8/1982	8.0	7.2	
141	23	00.14.17.19.23	Đặng Chon	Như	Nữ	04/5/1980	8.0	7.1	
142	24	00.14.17.19.24	Hoàng Thị	Oanh	Nữ	02/04/1980	7.5	7.9	
143	25	00.14.17.19.25	Trần Thị Thu	Phương	Nữ	18/8/1982	7.0	8.3	
144	26	00.14.17.19.26	Tô Thúy	Quỳnh	Nữ	01/04/1986	7.0	8.2	
145	27	00.14.17.19.27	Lê Trần Nhật	Quỳnh	Nữ	26/11/1982	8.5	6.7	
146	28	00.14.17.19.28	Trần Thị	Thanh	Nữ	17/02/1978	8.0	7.7	
147	29	00.14.17.19.29	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	Nữ	16/02/1974	8.0	8.0	
148	30	00.14.17.19.30	Lâm Thị Phương	Thảo	Nữ	28/07/1971	7.5	8.0	

mu

TT	TT CN	MSHV	HỌ	TÊN	Phái	NG.SINH	ĐIỂM LTTN	ĐIỂM THTN	GHI CHÚ
149	31	00.14.17.19.31	Dương Thị	Trang	Nữ	07/03/1971	7.5	8.0	
150	32	00.14.17.19.32	Đặng Mỹ	Trinh	Nữ	03/05/1985	7.5	7.7	
151	33	00.14.17.19.33	Phan Thị Thanh	Trúc	Nữ	07/12/1985	7.5	6.6	
152	34	00.14.17.19.34	Vũ Thị	Tú	Nữ	01/01/1977	7.5	7.8	
153	35	00.14.17.19.35	Đỗ Đặng Thụy Thùy	Vi	Nữ	09/03/1981	7.0	6.4	
154	36	00.14.17.19.36	Phan Thị Ngọc	Xuyến	Nữ	10/07/1975	8.0	8.1	
155	37	00.14.17.19.37	Trần Phi	Yến	Nữ	08/04/1976	7.5	7.6	
156	38	00.14.17.19.38	Võ Thị Hồng	Yến	Nữ	26/12/1989	8.0	7.2	
157	39	00.14.17.19.39	Võ Thị Như	Ý	Nữ	31/08/1982	8.0	7.8	
158	40	00.14.17.18.16	Nguyễn Thị Ánh	Huê	Nữ	06/12/1977	7.5	7.2	
HỒI SỨC CẤP CỨU - CHỐNG ĐỘC									
159	1	00.14.15.19.02	Nguyễn Thị Lệ	Anh	Nữ	16/08/1992	7.5	8.0	
160	2	00.14.15.19.03	Trần Văn	Ba	Nam	06/11/1972	6.0	7.0	
161	3	00.14.15.19.05	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	Nữ	22/07/1987	6.5	7.0	
162	4	00.14.15.19.06	Võ Quốc	Khải	Nam	16/12/1979	6.0	7.5	
163	5	00.14.15.19.08	Lê Văn	Nguyên	Nam	10/10/1990	7.0	8.5	
164	6	00.14.15.19.09	Nguyễn Hoàng	Nguyên	Nam	22/05/1991	6.5	7.0	
165	7	00.14.15.19.10	Phylin		Nam	16/06/1988	8.0	8.0	
166	8	00.14.15.19.12	Nguyễn Thị Kim	So	Nữ	15/04/1980	7.5	7.5	
167	9	00.14.15.19.13	Hồ Đức	Tài	Nam	10/07/1993	8.5	8.5	
168	10	00.14.15.19.14	Đặng Quốc	Thái	Nam	13/03/1986	6.5	7.5	
169	11	00.14.15.19.15	Dương Quang	Thảo	Nam	03/09/1975	7.5	9.0	
170	12	00.14.15.19.16	Danh Chanh	Thi	Nam	03/06/1982	7.5	7.5	
171	13	00.14.15.19.17	Lê Phúc Trường	Thịnh	Nam	15/09/1991	8.0	8.5	
172	14	00.14.15.19.18	Nguyễn Văn	Trinh	Nam	10/09/1984	10.0	7.5	
173	15	00.14.15.19.19	Nguyễn Hồng	Trường	Nam	09/11/1980	10.0	5.5	
174	16	00.14.15.18.03	Danh	Hoàng	Nam	22/11/1989	7.5	6.0	
175	17	00.14.15.18.04	Đình Phong	Lê	Nam	06/03/1983	7.0	8.0	
GÂY MÊ HỒI SỨC									
176	1	00.14.10.19.02	Nguyễn Thế	Bá	Nam	22/04/1989	7.5	7.0	
177	2	00.14.10.19.03	Trần Thế	Bảo	Nam	03/03/1974	8.0	6.5	

mu

TT	TT CN	MSHV	HỌ	TÊN	Phái	NG.SINH	ĐIỂM LTN	ĐIỂM THTN	GHI CHÚ
178	3	00.14.10.19.04	Phạm Thị Ngọc	Diễm	Nữ	17/09/1985	8.0	6.5	
179	4	00.14.10.19.05	Vy Hoàng	Điệp	Nam	11/12/1988	8.0	7.0	
180	5	00.14.10.19.06	Hoàng Mỹ	Duyên	Nữ	20/09/1992	8.0	4.0	
181	6	00.14.10.19.07	Y Dhik	Êban	Nam	17/09/1979	7.5	7.0	
182	7	00.14.10.19.08	Vũ Văn	Hạ	Nam	20/09/1986	8.0	4.0	
183	8	00.14.10.19.09	Ngô Thị	Hòa	Nữ	18/08/1992	7.5	7.0	
184	9	00.14.10.19.10	Đặng Đình Khoa	Huân	Nam	09/11/1989	7.0	4.0	
185	10	00.14.10.19.11	Trịnh Nguyên	Hùng	Nam	25/02/1988	9.0	7.0	
186	11	00.14.10.19.12	Lê Thanh	Hùng	Nam	10/02/1981	8.0	6.5	
187	12	00.14.10.19.13	Lê Thị Tuyết	Hương	Nữ	20/03/1983	8.5	6.0	
188	13	00.14.10.19.16	Trương Mạnh	Khoa	Nam	11/12/1986	6.5	4.0	
189	14	00.14.10.19.17	K'Phuong		Nam	06/04/1987	7.5	4.0	
190	15	00.14.10.19.18	Cao Thị Mỹ	Lệ	Nữ	11/03/1986	8.0	7.0	
191	16	00.14.10.19.19	Hoàng Diệu	Linh	Nữ	24/03/1993	8.0	7.5	
192	17	00.14.10.19.20	Lê Trọng	Muynh	Nam	22/11/1975	8.0	4.0	
193	18	00.14.10.19.21	Phạm Thanh	Nam	Nam	06/08/1991	8.5	4.0	
194	19	00.14.10.19.22	Nguyễn Đình	Nguyên	Nam	20/02/1989	8.0	6.0	
195	20	00.14.10.19.23	Trần Hồng	Như	Nữ	24/08/1980	7.5	7.5	
196	21	00.14.10.19.24	Nguyễn Thị Hoàng	Phước	Nữ	22/09/1990	7.5	8.0	
197	22	00.14.10.19.25	Quách Ngọc	Quốc	Nam	27/07/1984	6.5	7.0	
198	23	00.14.10.19.26	Phạm Thị	Quyên	Nữ	30/01/1982	6.5	7.0	
199	24	00.14.10.19.27	Thái Thị Như	Quỳnh	Nữ	01/06/1986	8.0	6.5	
200	25	00.14.10.19.28	Nguyễn Trung	Thành	Nam	20/05/1993	8.5	7.0	
201	26	00.14.10.19.29	Trần Phương	Thảo	Nữ	09/05/1993	8.0	8.0	
202	27	00.14.10.19.30	Nguyễn Công	Thảo	Nam	03/08/1982	6.5	4.0	
203	28	00.14.10.19.31	Trần	Thông	Nam	23/04/1993	8.0	7.0	
204	29	00.14.10.19.32	Cao Minh	Trọng	Nam	26/04/1982	5.5	vắng	Covid
205	30	00.14.10.19.33	Nguyễn Đoàn Khánh	Trung	Nam	24/01/1993	8.5	9.0	
206	31	00.14.10.18.03	Nguyễn Thị Hồng	Đào	Nữ	09/11/1992	8.5	8.0	
NHÂN KHOA									
207	1	00.14.05.19.01	Nguyễn Huỳnh	Duy	Nam	02/04/1984	7.5	8.0	

TT	TT CN	MSHV	HỌ	TÊN	Phái	NG.SINH	ĐIỂM LTTN	ĐIỂM THTN	GHI CHÚ
208	2	00.14.05.19.02	Nguyễn Thị	Hiển	Nữ	25/06/1974	7.0	7.3	
209	3	00.14.05.19.03	Trịnh Mạnh	Hùng	Nam	24/09/1988	8.5	5.3	
210	4	00.14.05.19.04	Phan Lê Quỳnh	Như	Nữ	08/03/1993	8.0	8.3	
211	5	00.14.05.19.05	Trần Lê	Quang	Nam	08/02/1991	8.5	8.2	
212	6	00.14.05.19.06	Đào Hồng	Thùy	Nữ	16/06/1992	7.5	8.0	
213	7	00.14.05.18.04	Đặng Trung	Kiên	Nam	02/04/1988	8.0	6.3	
214	8	00.14.05.18.06	Nguyễn Đặng Minh	Trí	Nam	01/11/1991	8.0	8.0	
NỘI TỔNG QUÁT									
215	1	00.14.01.19.01	Kim Tường	An	Nữ	31/08/1991	7.0	6.0	
216	2	00.14.01.19.03	Huỳnh Minh	Cường	Nam	18/02/1993	7.5	6.5	
217	3	00.14.01.19.04	Phạm Minh	Dân	Nam	02/01/1982	6.0	7.0	
218	4	00.14.01.19.05	Phan Thành	Danh	Nam	30/10/1989	6.5	6.5	
219	5	00.14.01.19.06	Nguyễn Thành Vương	Đức	Nam	27/10/1983	8.0	6.5	
220	6	00.14.01.19.07	Phan Thành	Được	Nam	18/12/1981	7.0	5.0	
221	7	00.14.01.19.08	Lương Kim	Dung	Nữ	07/06/1987	7.5	6.0	
222	8	00.14.01.19.09	Hoàng Thanh Thiệu	Dương	Nữ	29/04/1985	7.5	6.0	
223	9	00.14.01.19.10	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	05/05/1986	7.0	5.0	
224	10	00.14.01.19.11	Trần Mỹ	Hoa	Nữ	17/10/1992	8.0	7.0	
225	11	00.14.01.19.12	Phạm Huy	Hoàng	Nam	20/04/1979	8.0	5.5	
226	12	00.14.01.19.13	Lê Thanh	Hùng	Nam	12/04/1993	7.5	6.0	
227	13	00.14.01.19.14	Nguyễn Minh	Khâm	Nam	07/07/1986	6.0	5.5	
228	14	00.14.01.19.15	Nguyễn Đỗ Đăng	Khoa	Nam	02/08/1993	7.0	7.0	
229	15	00.14.01.19.16	Trương Thị Xuân	Lan	Nữ	09/03/1992	7.5	6.5	
230	16	00.14.01.19.17	Lý Thành	Long	Nam	14/06/1993	6.5	6.0	
231	17	00.14.01.19.18	Bùi Văn	Lượng	Nam	05/04/1979	7.0	6.0	
232	18	00.14.01.19.19	Tôn Văn	Ly	Nam	11/03/1988	7.5	5.0	
233	19	00.14.01.19.20	Trần Tuyết	Ngọc	Nữ	30/04/1991	6.5	6.5	
234	20	00.14.01.19.21	Phạm Hứa Thuý	Nhi	Nữ	31/01/1992	7.0	6.5	
235	21	00.14.01.19.22	Võ Thế	Nhiều	Nam	07/02/1984	7.0	5.5	
236	22	00.14.01.19.23	Lê Hoàng Phương	Như	Nữ	21/02/1992	8.5	7.0	
237	23	00.14.01.19.24	Nguyễn Hữu Quang	Phát	Nam	06/04/1989	7.0	5.5	

mu

TT	TT CN	MSHV	HỌ	TÊN	Phái	NG.SINH	ĐIỂM LTN	ĐIỂM THTN	GHI CHÚ
238	24	00.14.01.19.25	Nguyễn Lâm Vĩnh	Phúc	Nam	25/01/1992	8.0	7.0	
239	25	00.14.01.19.26	Nguyễn Trúc	Phương	Nữ	25/07/1992	7.5	7.5	
240	26	00.14.01.19.27	Phan Vũ Lam	Phương	Nữ	11/04/1990	6.5	6.5	
241	27	00.14.01.19.28	Trần Minh	Quân	Nam	20/02/1987	6.5	6.0	
242	28	00.14.01.19.29	Đỗ Lê	Quang	Nam	24/10/1993	7.0	6.0	
243	29	00.14.01.19.30	Lăng Phú	Quý	Nam	07/05/1991	7.0	6.0	
244	30	00.14.01.19.31	Nguyễn Tấn	Tài	Nam	02/02/1992	7.0	5.5	
245	31	00.14.01.19.32	Tạ Khánh	Tâm	Nữ	20/07/1991	7.5	7.0	
246	32	00.14.01.19.33	Đình Công	Thành	Nam	15/08/1992	7.5	6.5	
247	33	00.14.01.19.34	Hà Thị Phương	Thảo	Nữ	13/05/1989	6.5	6.0	
248	34	00.14.01.19.35	Tài Năng	Thế	Nam	06/04/1981	7.0	5.0	
249	35	00.14.01.19.36	Phạm Thị	Thu	Nữ	14/02/1981	8.0	5.5	
250	36	00.14.01.19.37	Lê Thị Thu	Thúy	Nữ	30/06/1987	6.5	5.5	
251	37	00.14.01.19.38	Nguyễn Bảo	Tĩnh	Nam	19/01/1992	7.0	6.0	
252	38	00.14.01.19.39	Phạm Minh	Tòng	Nam	15/06/1989	7.5	5.5	
253	39	00.14.01.19.40	Trần Ngọc	Trâm	Nữ	28/09/1993	7.5	7.0	
254	40	00.14.01.19.41	Võ Dương	Triều	Nam	25/08/1992	8.0	5.5	
255	41	00.14.01.19.42	Phan Khoa Thượng	Triều	Nữ	13/11/1992	7.5	6.5	
256	42	00.14.01.19.43	Hồ Trần Thiên	Trúc	Nữ	13/06/1992	7.5	6.0	
257	43	00.14.01.19.44	Huỳnh Việt	Trung	Nam	15/10/1990	7.5	5.5	
258	44	00.14.01.19.45	Lộ Đức	Trung	Nam	12/08/1991	7.0	7.0	
259	45	00.14.01.19.46	Lưu Minh	Tú	Nữ	09/07/1991	7.5	6.0	
260	46	00.14.01.19.47	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Nữ	09/11/1992	6.5	6.0	
261	47	00.14.01.19.48	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Nữ	24/04/1990	7.0	5.5	
262	48	00.14.01.19.49	Nguyễn Thị Thúy	Vinh	Nam	05/02/1992	7.0	6.5	
263	49	00.14.01.19.50	Nguyễn Lê Trang	Vy	Nữ	15/08/1990	6.5	6.5	
264	50	00.14.01.19.51	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	09/04/1985	8.0	6.0	
265	51	00.14.01.18.01	Phạm Vũ Quỳnh	Anh	Nữ	24/08/1986	6.0	6.0	NK 2018
266	52	00.14.01.18.16	Nguyễn Thị Hồng	Khang	Nữ	28/03/1991	8.0	6.0	NK 2018
267	53	00.14.01.17.24	Nguyễn Thị Thu	Ngân	Nữ	24/11/1987	8.0	6.5	NK 2018
268	54	00.14.01.18.20	Nguyễn Thị Thái	Khuong	Nữ	03/06/1975	6.0	5.0	NK 2018



ph

TT	TT CN	MSHV	HỌ	TÊN	Phái	NG.SINH	ĐIỂM LTTN	ĐIỂM THTN	GHI CHÚ
269	55	00.14.01.18.24	Ngô Hoàng Minh	Nghĩa	Nam	05/07/1992	6.5	5.0	NK 2018
270	56	00.14.01.18.31	Trần Chí	Thành	Nam	09/06/1983	6.0	5.0	NK 2018
271	57	00.14.01.18.03	Lê Bá	Biên	Nam	10/09/1980	5.0	5.0	NK 2018
272	58	00.14.01.18.13	Trương Phước	Hồng	Nam	14/12/1982	6.0	5.0	NK 2018
273	59	00.14.01.18.15	Lê Thị Mai	Hương	Nữ	12/12/1971	5.5	5.0	NK 2018
274	60	00.14.01.18.19	Nguyễn Quốc	Khánh	Nam	12/09/1979	6.0	5.0	NK 2018
275	61	00.14.01.18.26	Lý Kha	Niên	Nam	28/08/1983	6.5	5.0	NK 2018
276	62	00.14.01.18.37	Nguyễn Duy	Trình	Nam	01/01/1973	6.5	5.5	NK 2018
NGOẠI TỔNG QUÁT									
277	1	00.14.02.19.01	Phạm Đỗ Anh	Khoa	Nam	15/09/1993	7.0	9.0	
278	2	00.14.02.19.02	Nguyễn Ngọc	Minh	Nam	24/07/1984	7.0	8.0	
279	3	00.14.02.19.03	Trần Hồng	Quân	Nam	01/05/1993	8.0	10.0	
280	4	00.14.02.19.04	Đinh Văn	Sơn	Nam	29/04/1988	7.5	5.0	
281	5	00.14.02.19.05	Điền	Tân	Nam	06/11/1985	8.0	8.0	
282	6	00.14.02.19.06	Lê Văn	Thìn	Nam	16/12/1991	7.0	8.0	
NHI KHOA									
283	1	00.14.04.19.01	Nguyễn Thị Thùy	An	Nữ	28/09/1993	9.0	7.5	
284	2	00.14.04.19.02	Phạm Thị	Châu	Nữ	15/08/1974	7.0	7.5	
285	3	00.14.04.19.03	Phan Nguyễn Hạnh	Dung	Nữ	22/11/1991	7.5	7.5	
286	4	00.14.04.19.04	Nguyễn Phương	Dung	Nữ	10/10/1992	7.5	7.0	
287	5	00.14.04.19.05	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	24/03/1990	6.5	9.0	
288	6	00.14.04.19.07	Danh Thị Mỹ	Hồng	Nữ	02/08/1989	8.0	8.5	
289	7	00.14.04.19.08	Lê Hồng	Hương	Nữ	15/02/1992	8.0	9.0	
290	8	00.14.04.19.09	Nguyễn Phạm Thùy	Linh	Nữ	07/03/1983	8.5	8.5	
291	9	00.14.04.19.10	Lê Thị Trúc	Linh	Nữ	08/12/1988	8.0	8.5	
292	10	00.14.04.19.11	Lê Nguyễn Thanh	Long	Nam	25/12/1991	8.0	6.5	
293	11	00.14.04.19.12	Nguyễn Trọng	Nghĩa	Nam	19/03/1987	7.5	8.5	
294	12	00.14.04.19.13	Nguyễn Thị	Nhài	Nữ	14/08/1983	8.0	8.0	
295	13	00.14.04.19.14	Đỗ Minh	Thắng	Nam	10/02/1985	7.0	9.5	
296	14	00.14.04.19.15	Trần Tiểu	Thanh	Nữ	20/10/1993	9.5	9.5	
297	15	00.14.04.19.16	Phạm Thị Bích	Thi	Nữ	15/05/1989	9.0	6.5	

phu

TT	TT CN	MSHV	HỌ	TÊN	Phái	NG.SINH	ĐIỂM LTTN	ĐIỂM THTN	GHI CHÚ
298	16	00.14.04.19.18	Huỳnh Công	Thuần	Nam	16/05/1993	9.0	9.0	
299	17	00.14.04.19.19	Nguyễn Đức	Tiến	Nam	20/10/1991	7.0	9.0	
300	18	00.14.04.19.20	Lê Thị Minh	Trân	Nữ	27/09/1986	7.5	8.0	
301	19	00.14.04.19.21	Dương Thị Mai	Trinh	Nữ	08/12/1992	8.5	8.5	
302	20	00.14.04.19.22	Phạm Phúc Diễm	Trinh	Nữ	10/01/1991	8.0	8.5	
303	21	00.14.04.19.23	Lâm Thanh	Tùng	Nam	19/08/1993	8.0	8.0	
304	22	00.14.04.19.24	Nguyễn Thị Ánh	Vân	Nữ	02/01/1987	8.0	9.0	
305	23	00.14.04.19.25	Bùi Quang	Việt	Nam	01/01/1972	7.0	9.0	
306	24	00.14.04.19.26	Phạm Thị	Yến	Nữ	06/06/1985	7.0	8.5	
PHẪU THUẬT TẠO HÌNH									
307	1	00.14.18.19.01	Đặng Thái	Bảo	Nam	26/12/1993	7.0	7.0	
308	2	00.14.18.19.02	Nguyễn Vũ	Bằng	Nam	16/10/1986	7.0	7.0	
309	3	00.14.18.19.03	Nguyễn Trần Ánh	Dương	Nam	26/07/1990	8.0	7.5	
310	4	00.14.18.19.04	Nguyễn Thanh	Hải	Nam	07/03/1972	6.0	7.5	
311	5	00.14.18.19.05	La	Hằng	Nữ	1962	vắng	vắng	Covid
312	6	00.14.18.19.06	Trần Đình	Khả	Nam	06/11/1978	8.0	7.5	
313	7	00.14.18.19.07	Mai Quốc	Khánh	Nam	09/05/1988	7.5	8.0	
314	8	00.14.18.19.08	Nguyễn Trường	Kỳ	Nam	31/05/1985	6.5	6.5	
315	9	00.14.18.19.09	Diệp Yến	Linh	Nữ	5/7/1993	7.5	7.5	
316	10	00.14.18.19.10	Quách Từ Ngọc	Mai	Nữ	09/04/1988	8.0	7.5	
317	11	00.14.18.19.11	Đinh Ngọc	Minh	Nam	05/08/1964	7.0	6.0	
318	12	00.14.18.19.12	Nguyễn Văn	Minh	Nam	25/04/1982	9.0	7.5	
319	13	00.14.18.19.13	Đào	Nguyễn	Nam	13/08/1987	4.5	7.0	
320	14	00.14.18.19.14	Đoàn Huy	Nhân	Nam	26/11/1979	6.5	6.0	
321	15	00.14.18.19.15	Diệp Yến	Nhi	Nữ	05/07/1993	6.5	7.0	
322	16	00.14.18.19.16	Lê Quang	Nhật	Nam	24/04/1981	8.0	7.0	
323	17	00.14.18.19.17	Đinh Ngọc	Quang	Nam	16/06/1974	7.5	7.5	
324	18	00.14.18.19.18	Hoàng Phạm Nhật	Quang	Nam	26/01/1991	6.5	7.0	
325	19	00.14.18.19.19	Nguyễn Văn	Sài	Nam	02/03/1989	6.5	7.0	
326	20	00.14.18.19.20	Phù Phước	Tâm	Nam	12/10/1980	8.5	7.5	
327	21	00.14.18.19.21	Trần Hữu	Thành	Nam	15/06/1990	7.5	8.0	

mu

TT	TT CN	MSHV	HỌ	TÊN	Phái	NG.SINH	ĐIỂM LTN	ĐIỂM THTN	GHI CHÚ
328	22	00.14.18.19.22	Dương Văn	Thọ	Nam	12/05/1965	6.0	7.0	
329	23	00.14.18.19.23	Lê Phước	Tiền	Nam	25/01/1989	7.0	6.5	
330	24	00.14.18.19.24	Phan Minh	Toàn	Nam	23/03/1989	7.5	7.0	
331	25	00.14.18.19.25	Nguyễn Xuân	Vũ	Nam	07/3/1989	7.5	7.5	
332	26	00.14.18.19.26	Tô Duy	Yên	Nam	02/10/1982	6.5	6.0	
333	27	00.14.18.18.25	Trần Khuê	Tú	Nữ	27/7/1990	7.0	7.0	NK 2018
SẢN PHỤ KHOA									
334	1	00.14.03.19.01	Lê Thanh	Bình	Nam	1989	8.0	8.0	
335	2	00.14.03.19.02	Trần Thị Thu	Cúc	Nữ	11/04/1989	7.0	7.0	
336	3	00.14.03.19.03	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	10/02/1983	8.0	5,5	
337	4	00.14.03.19.05	Nguyễn Sơn	Hải	Nam	22/08/1989	8.5	6.0	
338	5	00.14.03.19.06	Trần Văn	Hiếu	Nam	25/05/1993	8.0	7,5	
339	6	00.14.03.19.07	Huỳnh Thị Trúc	Hoa	Nữ	27/01/1977	7.5	6.0	
340	7	00.14.03.19.08	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	01/09/1991	8.5	8.0	
341	8	00.14.03.19.09	Phạm Thanh	Huyền	Nữ	11/01/1981	8.0	6.0	
342	9	00.14.03.19.10	Bùi Thị	Hương	Nữ	29/11/1988	8.0	5,5	
343	10	00.14.03.19.11	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	20/05/1992	8.0	8.0	
344	11	00.14.03.19.12	Nguyễn Tuấn	Linh	Nam	18/05/1992	7.5	6,5	
345	12	00.14.03.19.13	Trần Luy	Luân	Nam	10/04/1993	8.0	6,5	
346	13	00.14.03.19.14	Trần Thị Kiều	My	Nữ	09/02/1993	9.0	6.0	
347	14	00.14.03.19.15	Trần Minh	Nguyệt	Nữ	07/12/1975	7.5	7.0	
348	15	00.14.03.19.16	Hoàng Thị Minh	Nguyệt	Nữ	08/9/1990	8.5	8.0	
349	16	00.14.03.19.17	Trần Thị Kim	Oanh	Nữ	1987	7.5	7.0	
350	17	00.14.03.19.18	Lê Thị Thu	Thanh	Nữ	03/09/1992	8.5	7,5	
351	18	00.14.03.19.19	Hồ Trần Hồng	Thanh	Nữ	24/08/1992	8.5	7.0	
352	19	00.14.03.19.20	Bùi Thị Kim	Thanh	Nữ	24/07/1985	6.5	6,5	
353	20	00.14.03.19.21	Nguyễn Thị Thạc	Thảo	Nữ	15/02/1990	8.0	6,5	
354	21	00.14.03.19.22	Hoàng Mạnh	Thắng	Nam	29/09/1992	9.0	7.0	
355	22	00.14.03.19.23	Hoa Lê Phương	Thu	Nữ	22/09/1993	8.5	7.0	
356	23	00.14.03.19.24	Lê Trà My Mỹ	Trang	Nữ	08/06/1993	8.5	7.0	
357	24	00.14.03.19.25	Phạm Thị Lan	Trang	Nữ	25/06/1993	8.5	7,5	



phuc

TT	TT CN	MSHV	HỌ	TÊN	Phái	NG.SINH	ĐIỂM LTN	ĐIỂM THTN	GHI CHÚ
358	25	00.14.03.19.26	Huỳnh Anh	Tuấn	Nam	02/10/1987	8.0	8.0	
359	26	00.14.03.19.27	Ngô Thị	Tuyết	Nữ	05/07/1987	7.0	7.0	
360	27	00.14.03.19.28	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	01/03/1992	8.5	7.5	
361	28	00.14.03.19.29	Nguyễn Thị Phương	Tú	Nữ	05/06/1982	7.5	8.0	
362	29	00.14.03.18.16	Phan Thị	Vinh	Nữ	10/04/1980	7.5	5.5	
TÂM THẦN									
363	1	00.14.19.19.01	Lê Thị Hồng	Hạnh	Nữ	16/09/1985	8.5	8.0	
364	2	00.14.19.19.02	Lê Bá	Kông	Nam	29/07/1988	8.0	7.0	
365	3	00.14.19.19.03	Nguyễn Thị	Nhấn	Nữ	05/12/1981	8.0	7.0	
366	4	00.14.19.19.04	Nguyễn Thị Thu	Thùy	Nữ	28/11/1993	8.0	8.0	
TAI MŨI HỌNG									
367	1	00.14.06.19.01	Trần Hồng	Cánh	Nam	04/03/1980	7.5	7.5	
368	2	00.14.06.19.02	Trần Văn	Cường	Nam	17/02/1969	7.5	6.0	
369	3	00.14.06.19.04	Lê Văn Lộc	Phát	Nam	23/04/1985	7.5	7.0	
370	4	00.14.06.19.05	Mạc Thiện	Phúc	Nam	18/10/1982	7.0	7.0	
371	5	00.14.06.19.06	Trịnh Thị	Thái	Nữ	04/07/1968	7.0	6.0	
372	6	00.14.06.19.07	Nguyễn Đức	Vũ	Nam	19/12/1974	7.5	7.5	
TRUYỀN NHIỄM									
373	1	00.14.14.19.01	Nguyễn Trường	An	Nam	10/09/1991	7.5	7.5	
374	2	00.14.14.19.02	Bùi Hoàng	Chương	Nam	13/02/1991	8.5	7.0	
375	3	00.14.14.19.03	Nguyễn Xuân	Dục	Nam	27/10/1972	6.5	5.5	
376	4	00.14.14.19.04	Nguyễn Thị Hồng	Giang	Nữ	03/08/1985	6.5	5.0	
377	5	00.14.14.19.05	Phan Thị Xuân	Hoa	Nữ	20/08/1993	7.0	8.0	
378	6	00.14.14.19.06	Huỳnh Hồng	Phát	Nam	26/06/1992	8.0	7.0	
379	7	00.14.14.19.07	Trần Nguyễn Phương	Quỳnh	Nữ	02/10/1989	8.0	7.0	
380	8	00.14.14.19.08	Trần Nguyễn Hoàng	Tú	Nam	29/07/1992	8.0	7.0	
381	9	00.14.14.19.09	Nguyễn Thái Minh	Tuyền	Nữ	05/09/1992	7.5	8.0	
382	10	00.14.14.19.10	Bùi Nguyễn Hoàng	Vũ	Nam	27/09/1991	7.5	7.0	
TRUYỀN MÁU - HUYẾT HỌC									
383	1	00.14.11.19.01	Nguyễn Thị	Chuyên	Nữ	07/10/1971	5.5	7.5	
384	2	00.14.11.19.02	Trương Thanh	Nhã	Nam	13/03/1982	6.0	8.0	

ph

TT	TT CN	MSHV	HỌ	TÊN	Phái	NG.SINH	ĐIỂM LTN	ĐIỂM THTN	GHI CHÚ
385	3	00.14.11.19.03	Đặng Hoàng	Thiên	Nam	20/05/1992	7.5	8.5	
386	4	00.14.11.18.01	Hà Thọ Minh	Huyền	Nữ	23/07/1983	6.5	7.0	
THẦN KINH									
387	1	00.14.12.19.01	Đinh Thu	Bình	Nữ	29/12/1983	8.0	5.0	
388	2	00.14.12.19.02	Nguyễn Hồ Khánh	Duy	Nam	02/12/1992	8.0	6.0	
389	3	00.14.12.19.03	Lê Đức	Hải	Nam	11/03/1992	8.0	7.0	
390	4	00.14.12.19.04	Hồ Kim	Hạnh	Nữ	20/02/1981	9.0	6.0	
391	5	00.14.12.19.05	Phạm Thị Thu	Ngân	Nữ	24/12/1990	9.0	9.0	
392	6	00.14.12.19.06	Huỳnh Hoạch	Phấn	Nam	06/03/1989	8.0	8.0	
393	7	00.14.12.19.07	Ngô Khắc	Toàn	Nam	07/04/1992	9.0	8.0	
394	8	00.14.12.19.08	Nguyễn Huỳnh Nhật	Tuấn	Nam	23/04/1984	9.0	8.0	
395	9	00.14.12.19.09	Quách Ngọc	Vinh	Nữ	24/01/1989	8.0	8.0	
UNG BƯỞU									
396	1	00.14.20.19.01	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	22/01/1991	6.0	9.0	
397	2	00.14.20.19.02	Bùi Xuân	Huy	Nam	05/06/1988	8.0	8.5	
398	3	00.14.20.19.03	Nguyễn Tuấn	Ngọc	Nam	11/01/1983	5.0	8.5	
399	4	00.14.20.19.04	Tạ Thành	Trung	Nam	29/06/1984	6.0	6.0	
XÉT NGHIỆM Y HỌC									
400	1	00.14.21.19.01	Huỳnh Thị Tú	Anh	Nữ	28/10/1993	6.0	5.5	
401	2	00.14.21.19.03	Nguyễn Việt	Hải	Nữ	07/07/1981	6.5	5.8	
402	3	00.14.21.19.05	Phạm Thị Kim	Ngân	Nữ	15/01/1982	6.0	5.4	
403	4	00.14.21.19.06	Lê Thị Như	Ngọc	Nữ	28/12/1987	5.0	6.0	
404	5	00.14.21.19.09	Phó Phước	Sương	Nam	06/12/1978	5.0	5.7	
405	6	00.14.21.19.10	Võ Thị Ngọc	Thúy	Nữ	01/01/1984	6.0	6.5	
406	7	00.14.21.19.11	Nguyễn Thị Thu	Thùy	Nữ	06/12/1986	6.5	6.3	
407	8	00.14.21.19.13	Nguyễn Thị Tú	Uyên	Nữ	13/06/1983	7.0	6.4	
408	9	00.14.21.18.03	Trần Mạnh	Dũng	Nam	27/04/1992	6.5	6.5	
409	10	00.14.21.19.04	Trần Thanh	Nam	Nam	16/04/1989	7.0	7.6	
410	11	00.14.21.19.07	Trần Vũ Thảo	Nguyên	Nữ	20/06/1995	7.5	5.9	
411	12	00.14.21.19.12	Lê Văn Nhật	Tú	Nam	19/02/1982	7.0	7.5	
412	13	00.14.21.19.14	Nguyễn Tấn	Vũ	Nam	23/08/1980	6.5	6.5	

TH
ONG
Y KH
THAI
H

ph

TT	TT CN	MSHV	HỌ	TÊN	Phái	NG.SINH	ĐIỂM LTTN	ĐIỂM THTN	GHI CHÚ
Y HỌC GIA ĐÌNH									
413	1	00.14.16.19.01	Võ Thị Minh	Nga	Nữ	22/04/1970	7.5	7.0	
414	2	00.14.16.19.02	Nguyễn Thị Thúy	Phượng	Nữ	23/05/1981	7.0	7.0	
415	3	00.14.16.19.03	Nguyễn Việt	Thành	Nam	21/10/1988	7.0	7.0	
416	4	00.14.16.19.04	Trần Đình	Tuấn	Nam	29/11/1967	7.0	7.0	

Danh sách có 416 học viên./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2022

TM. HỘI ĐỒNG THI – XÉT TỐT NGHIỆP
CHỦ TỊCH



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. BS. Nguyễn Thanh Hiệp

